



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký Doanh nghiệp số

0200167782

ngày 30 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 7 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Quốc Dũng
Ông Noboru Kobayashi
Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Ngọc Bảo
Ông Nguyễn Việt Phương
Ông Trần Bá Phúc
Ông Nguyễn Quốc Trường
Ông Nguyễn Anh Tuấn
Ông Đào Anh Thắng

Chủ tịch
Phó chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 18/5/2020)
Thành viên (đến ngày 18/5/2020)
Thành viên (đến ngày 18/5/2020)
Thành viên (đến ngày 18/5/2020)
Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Nhật Ninh
Bà Ngô Thị Thu Thủy
Ông Nguyễn Văn Thúc
Ông Trần Ngọc Bảo

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Minh Nhật
Bà Nguyễn Quỳnh Hương

Trưởng Ban
(đến ngày 18/5/2020)
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 2 An Đà
Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Chữ Văn Phương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh 36 của báo cáo tài chính riêng này trong đó đề cập đến việc các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh lại. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 36 của báo cáo tài chính riêng này, được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó trong báo cáo kiểm toán ngày 20 tháng 3 năm 2020.

Trong quá trình kiểm toán báo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, chúng tôi đã kiểm toán các điều chỉnh như được trình bày tại Thuyết minh 36 được áp dụng để điều chỉnh các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Chúng tôi không được chỉ định để kiểm toán, soát xét hay thực hiện bất kỳ thủ tục nào đối với báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, ngoài các thủ tục kiểm toán được thực hiện đối với những điều chỉnh được trình bày ở Thuyết minh 36 của báo cáo tài chính riêng này. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán hay bất kỳ sự đảm bảo nào về các báo cáo tài chính đó. Theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 36 là phù hợp và được áp dụng đúng.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00228-21-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2019-007-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Nhựa Thiêu niên Tiên Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		1.550.910.874.602	2.341.493.031.267
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	194.084.404.609	288.767.838.171
Tiền	111		194.084.404.609	188.767.838.171
Các khoản tương đương tiền	112		-	100.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		783.425.964.128	993.286.547.333
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	810.969.815.615	868.483.047.849
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	30.224.105.372	38.425.494.803
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	15.461.572.866	15.461.572.866
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.964.691.706	72.227.351.844
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(80.194.221.431)	(1.310.920.029)
Hàng tồn kho	140	10	564.783.249.113	1.035.914.910.671
Hàng tồn kho	141		568.257.274.664	1.040.719.966.817
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.474.025.551)	(4.805.056.146)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.617.256.752	23.523.735.092
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.172.206.333	9.238.457.034
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	13.832.127.325
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		445.050.419	453.150.733

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		2.043.927.267.314	2.012.897.397.342
Tài sản cố định	220		1.433.735.361.195	1.413.363.973.101
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.365.035.367.602	1.342.218.882.380
<i>Nguyên giá</i>	222		2.589.796.335.207	2.438.553.318.396
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.224.760.967.605)	(1.096.334.436.016)
Tài sản cố định vô hình	227	12	68.699.993.593	71.145.090.721
<i>Nguyên giá</i>	228		80.625.862.950	80.625.862.950
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(11.925.869.357)	(9.480.772.229)
Tài sản dở dang dài hạn	240		85.526.863.328	127.135.624.483
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	85.526.863.328	127.135.624.483
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	465.272.188.600	465.272.188.600
Đầu tư vào công ty con	251		131.100.000.000	131.100.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		113.345.883.000	113.345.883.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		95.960.188.600	95.960.188.600
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(25.133.883.000)	(25.133.883.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		150.000.000.000	150.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		59.392.854.191	7.125.611.158
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	59.392.854.191	7.125.611.158
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.594.838.141.916	4.354.390.428.609

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.192.723.874.038	1.962.756.656.459
Nợ ngắn hạn	310		1.157.266.672.887	1.831.965.827.426
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	180.271.339.717	259.782.606.750
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.081.619.337	1.753.143.746
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	17	26.276.720.508	12.694.063.469
Phải trả người lao động	314		53.090.661.288	69.105.265.354
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	111.382.075.598	109.221.207.569
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	10.447.034.963	12.633.209.861
Vay ngắn hạn	320	20(a)	772.022.512.413	1.362.611.134.057
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	694.709.063	4.165.196.620
Nợ dài hạn	330		35.457.201.151	130.790.829.033
Vay dài hạn	338	20(b)	35.457.201.151	130.790.829.033
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.402.114.267.878	2.391.633.772.150
Vốn chủ sở hữu	410	22	2.402.114.267.878	2.391.633.772.150
Vốn cổ phần	411	23	1.177.961.830.000	981.638.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.177.961.830.000	981.638.530.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	941.847.178.493	962.542.250.971
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		282.305.259.385	447.452.991.179
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		47.199.299.220	46.964.299.220
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		235.105.960.165	400.488.691.959
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.594.838.141.916	4.354.390.428.609

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Lưu Thị Mai
 Phó Ban Tài chính – Kế toán

Người duyệt:




Trần Ngọc Bảo
 Kế toán trưởng

Chu Văn Phương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02- DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng	01	27	4.138.975.544.021	4.452.701.040.901
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	160.098.462.870	124.176.366.391
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	27	3.978.877.081.151	4.328.524.674.510
Giá vốn hàng bán	11	28	2.829.821.829.287	3.276.362.730.935
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.149.055.251.864	1.052.161.943.575
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	176.632.251.961	213.515.923.818
Chi phí tài chính	22	30	105.234.206.103	114.831.250.694
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		61.259.577.369	114.603.336.390
Chi phí bán hàng	25	31	516.073.662.597	579.146.624.549
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	201.740.072.833	118.788.678.382
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		502.639.562.292	452.911.313.768
Thu nhập khác	31		6.001.177.890	9.162.900.951
Chi phí khác	32		3.458.523.889	5.587.266.037
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.542.654.001	3.575.634.914
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		505.182.216.293	456.486.948.682
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	69.381.981.628	52.233.256.723
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		435.800.234.665	404.253.691.959

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

Người lập:


 Lưu Thị Mai
 Phó Ban Tài chính – Kế toán

Người duyệt:


 Trần Ngọc Bảo
 Kế toán trưởng


 Chu Văn Phương
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	505.182.216.293	456.486.948.682
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	138.266.387.688	138.137.191.509
Các khoản dự phòng	03	77.552.270.807	(8.188.137.228)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	27.831.188	58.951.944
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(176.630.708.695)	(213.770.953.021)
Chi phí lãi vay	06	61.259.577.369	114.603.336.390
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	605.657.574.650	487.327.338.276
Biến động các khoản phải thu	09	77.055.984.531	576.560.820.107
Biến động hàng tồn kho	10	472.462.692.153	(63.461.205.850)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(104.613.090.588)	63.813.040.176
Biến động chi phí trả trước	12	(1.663.326.366)	8.524.358.428
		1.048.899.834.380	1.072.764.351.137
Tiền lãi vay đã trả	14	(64.708.363.307)	(114.484.435.237)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(72.164.203.994)	(18.724.155.943)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(55.768.245.994)	(20.570.993.931)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	856.259.021.085	918.984.766.026
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(128.205.227.222)	(165.939.829.918)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.001.232.373	323.832.727
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(33.120.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	235.212.019.550	205.798.023.364
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	108.008.024.701	7.062.026.173

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)


Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	2.680.269.187.647	3.648.555.884.880
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.366.191.437.173)	(4.255.747.204.799)
Tiền trả cổ tức	36	(373.021.980.500)	(89.240.302.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.058.944.230.026)	(696.431.621.919)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(94.677.184.240)	229.615.170.280
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	288.767.838.171	59.218.671.100
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(6.249.322)	(66.003.209)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	194.084.404.609	288.767.838.171

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Người duyệt:



Lưu Thị Mai
 Phó Ban Tài chính – Kế toán



Trần Ngọc Bảo
 Kế toán trưởng



Chu Văn Phương
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hoá Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 7 năm 2020.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động được cấp phép của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

Trong năm, các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 14(a).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 1.250 nhân viên (1/1/2020: 1.283 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm trái phiếu và khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 27 đến 44 năm.

(ii) Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ bao gồm các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền công nghệ vào sử dụng. Bản quyền công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 36 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty. Toàn bộ các hợp đồng thuê của Công ty là thuê hoạt động.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	183.600.554	155.726.046
Tiền gửi ngân hàng	193.900.804.055	188.612.112.125
Các khoản tương đương tiền	-	100.000.000.000
	<hr/> 194.084.404.609	<hr/> 288.767.838.171 <hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết (i)	337.778.296.999	108.037.552.654
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty (i)	243.936.102.107	482.843.374.923
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (i)	3.885.581.879	9.251.163.339
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (ii)	1.650.366.250	1.192.388.593
Bên khác		
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	123.288.793.047	139.945.588.193
Công ty TNHH Thương mại Nam Phương	37.731.349.888	23.625.166.959
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Phước	32.476.824.252	-
Công ty TNHH Tam Phước	26.400.255.823	97.099.541.010
Các khách hàng khác	3.822.245.370	6.488.272.178
	810.969.815.615	868.483.047.849

- (i) Các khoản phải thu này không có đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.
- (ii) Khoản phải thu thương mại đối với Công ty TNHH Sekisui Việt Nam không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 732.065 triệu VND (1/1/2020: 868.483 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	2.105.295.193	-
Bên khác		
Công ty TNHH Công nghệ Hoá Nhựa Bông Sen	6.977.720.635	2.052.634.795
Công ty Cổ phần Quảng cáo và Truyền thông Con đường Việt	3.619.000.000	-
Công ty TNHH Công nghệ và Thiết bị PNT	2.331.359.518	3.939.124.499
Công ty Cổ phần Thương mại Truyền thông và Quảng cáo Minh Dương	1.567.047.000	7.056.767.412
Công ty TNHH Truyền thông Quảng cáo Minh Khang	1.412.516.288	7.500.576.288
Các nhà cung cấp khác	12.211.166.738	17.876.391.809
	30.224.105.372	38.425.494.803

7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, phải thu về cho vay ngắn hạn là khoản cho vay đối với Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty. Khoản vay này không có bảo đảm, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bên liên quan		
Phải thu cổ tức Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung – công ty con	-	59.478.674.649
Bên khác		
Phải thu lãi trái phiếu	1.262.465.753	1.245.410.959
Tạm ứng	2.817.667.095	2.359.180.147
Đặt cọc	2.308.000.000	2.168.000.000
Phải thu khác	576.558.858	6.976.086.089
	6.964.691.706	72.227.351.844

Các khoản phải thu phi thương mại với bên liên quan không có đảm bảo, hưởng lãi suất 3,5%/năm và được thanh toán khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2020		1/1/2020					
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Đại Phát	Trên 3 năm	583.902.600	583.902.600	-	Trên 3 năm	583.902.600	583.902.600	-
Công ty TNHH Vi Nam	Trên 3 năm	501.480.953	501.480.953	-	Trên 3 năm	501.480.953	501.480.953	-
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Dưới 6 tháng đến trên 3 năm	1.650.366.250	1.060.039.175	590.327.075	Trên 6 tháng đến dưới 3 năm	1.192.388.593	-	1.192.388.593
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty	1 năm đến dưới 2 năm	243.936.102.107	77.845.262.227	166.090.839.880	Chưa quá hạn	482.843.374.923	-	482.843.374.923
Đối tượng khác	Trên 3 năm	203.536.476	203.536.476	-	Trên 3 năm	225.536.476	225.536.476	-
		<u>246.875.388.386</u>	<u>80.194.221.431</u>	<u>166.681.166.955</u>		<u>485.346.683.545</u>	<u>1.310.920.029</u>	<u>484.035.763.516</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn 80.194.221.431

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	55.283.899.516	-	263.921.687.795	-
Nguyên vật liệu	339.834.011.616	(3.474.025.551)	545.236.220.472	(4.690.886.582)
Công cụ và dụng cụ	8.061.336.157	-	7.174.413.860	(113.570.218)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.113.688.720	-	46.994.026.994	-
Thành phẩm	127.964.338.655	-	177.393.617.696	(599.346)
	568.257.274.664	(3.474.025.551)	1.040.719.966.817	(4.805.056.146)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 4.238 triệu VND nguyên vật liệu (1/1/2020: 5.754 triệu VND nguyên vật liệu, 114 triệu VND công cụ dụng cụ và 3 triệu VND thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



Công ty Cổ phần Nhựa Thiệu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.258.013.206.644	1.023.171.083.055	139.907.305.806	17.461.722.891	2.438.553.318.396
Tăng trong năm	-	30.989.011.785	16.807.833.727	-	47.796.845.512
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	99.716.286.914 -	10.036.141.373 (2.312.147.553)	1.100.143.365 (5.094.252.800)	- -	110.852.571.652 (7.406.400.353)
Số dư cuối năm	1.357.729.493.558	1.061.884.088.660	152.721.030.098	17.461.722.891	2.589.796.335.207
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	390.844.486.420	603.328.966.987	86.491.965.149	15.669.017.460	1.096.334.436.016
Khấu hao trong năm	65.281.078.671	58.534.204.617	11.197.941.167	698.784.114	135.712.008.569
Thanh lý	-	(2.191.224.180)	(5.094.252.800)	-	(7.285.476.980)
Số dư cuối năm	456.125.565.091	659.671.947.424	92.595.653.516	16.367.801.574	1.224.760.967.605
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	867.168.720.224	419.842.116.068	53.415.340.657	1.792.705.431	1.342.218.882.380
Số dư cuối năm	901.603.928.467	402.212.141.236	60.125.376.582	1.093.921.317	1.365.035.367.602

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có tài sản có nguyên giá 528.636 triệu VND (1/1/2020: 499.711 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.220.027 triệu VND (1/1/2020: 1.287.011 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền công nghệ VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	78.124.840.727	2.501.022.223	80.625.862.950
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.979.750.006	2.501.022.223	9.480.772.229
Khấu hao trong năm	2.445.097.128	-	2.445.097.128
Số dư cuối năm	9.424.847.134	2.501.022.223	11.925.869.357
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	71.145.090.721	-	71.145.090.721
Số dư cuối năm	68.699.993.593	-	68.699.993.593

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.501 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	127.135.624.483	180.331.687.979
Tăng trong năm	71.243.810.497	78.358.759.073
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(110.852.571.652)	(84.602.324.014)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(45.655.333.781)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.000.000.000)	-
Khác	-	(1.297.164.774)
	85.526.863.328	127.135.624.483

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	76.495.635.261	118.084.436.416
Dự án số 2 An Đà (*)	9.031.228.067	9.051.188.067
	85.526.863.328	127.135.624.483

(*) Theo các Công văn số 375/UBND-XD ngày 18 tháng 1 năm 2008 và số 2460/UBND-CN ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng, Công ty được phép phát triển một tổ hợp tòa nhà bao gồm các căn hộ chung cư và văn phòng cho thuê tại số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Ngày 22 tháng 5 năm 2014, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 1018/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 và thiết kế của Dự án, theo đó, Công ty sẽ có trách nhiệm triển khai các thủ tục tiếp theo của Dự án theo quy định.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Đầu tư tài chính dài hạn

(a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số lượng	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	31/12/2020		1/1/2020	
				Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư góp vốn vào:							
Công ty con							
▪ Công ty TNHH MTV Nhựa Thiều niên Tiên Phong Miền Trung (i)	100,00%	100,00%	100,00%	120.000.000.000	-	120.000.000.000	(*)
▪ Công ty TNHH Bất động sản Tiên Phong (ii)	100,00%	100,00%	100,00%	11.100.000.000	-	11.100.000.000	(*)
				131.100.000.000	-	131.100.000.000	
Công ty liên kết							
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong phía Nam (iii)	8.415.000	27,39%	27,39%	84.150.000.000	-	84.150.000.000	(*)
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiên Phong (iv)	499.775	49,98%	49,98%	5.397.000.000	-	5.397.000.000	(*)
▪ Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiên Phong - SMP (v)		51,00%	51,00%	23.798.883.000	(23.798.883.000)	23.798.883.000	(*)
				113.345.883.000	(23.798.883.000)	113.345.883.000	
Đơn vị khác							
▪ Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định (vi)	4.632.086	13,50%	13,50%	46.784.068.600	-	46.784.068.600	(*)
▪ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	1.800.000	1,80%	1,80%	41.400.000.000	-	41.400.000.000	(*)
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiên Phong	396.000	17,39%	17,39%	5.148.000.000	-	5.148.000.000	(*)
▪ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang	56.406	4,80%	4,80%	1.128.120.000	-	1.128.120.000	(*)
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam	150.000	1,11%	1,11%	1.500.000.000	(1.335.000.000)	1.500.000.000	(*)
				95.960.188.600	(1.335.000.000)	95.960.188.600	
				340.406.071.600	(25.133.883.000)	340.406.071.600	

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung được thành lập ngày 19 tháng 3 năm 2012 và có trụ sở tại Lô C, Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An. Các hoạt động chính của công ty con này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.
- (ii) Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong (“Bất động sản Tiền Phong”) được thành lập ngày 18 tháng 5 năm 2015 và có trụ sở tại số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty sẽ phải góp 20.000 triệu VND vốn điều lệ vào Bất động sản Tiền Phong. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ Công ty đã thực góp là 11.100 triệu VND.
- (iii) Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 2007 và có trụ sở tại Lô C2, KCN Đồng An II, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.
- (iv) Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong được thành lập ngày 1 tháng 7 năm 2004 và có trụ sở tại số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, màng ghép phức hợp và các sản phẩm nhựa khác.
- (v) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (“Công ty NTP-SMP”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Việt Nam cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 giữa Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

Công ty NTP-SMP đã ngừng hoạt động trong nhiều năm và điều này ảnh hưởng đến khả năng chuyển vốn từ NTP-SMP về Công ty. Do đó, mặc dù sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty NTP-SMP, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát tại Công ty NTP-SMP và phản ánh khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết. Theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho toàn bộ giá gốc của khoản đầu tư này trên báo cáo tài chính riêng.
- (vi) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 1 tháng 1 năm 2020, khoản đầu tư này được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020			1/1/2020		
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng VND	Giá gốc VND Đã điều chỉnh lại	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn						
▪ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (vii)	15.000	150.000.000.000	(*)	15.000	150.000.000.000	(*)

(vii) Các trái phiếu này hưởng lãi suất năm là 8,1%. Trong đó, 10.000 trái phiếu đáo hạn vào ngày 14 tháng 11 năm 2027 và 5.000 trái phiếu đáo hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2027.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	-	999.244.770	6.126.366.388	7.125.611.158
Tăng trong năm	47.646.947.957	996.565.000	10.049.488.000	58.693.000.957
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phân bổ trong năm	(109.281.991)	(1.059.957.736)	(7.256.518.197)	(8.425.757.924)
Số dư cuối năm	47.537.665.966	2.935.852.034	8.919.336.191	59.392.854.191

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	58.041.296.500	41.946.025.000
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung – công ty con	54.429.093.592	-
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết	2.023.997.019	2.038.539.652
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết	1.123.173.758	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	-	2.875.109.485
Bên khác		
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	15.011.101.227	50.504.665.834
Borouge Pte Ltd.	16.717.100.400	-
IVICT (Singapore) Pte Ltd.	-	36.270.354.120
Vimar Overseas., Ltd.	-	28.180.296.880
Các nhà cung cấp khác	32.925.577.221	97.967.615.779
	180.271.339.717	259.782.606.750

Khoản phải trả đối với công ty con không được đảm bảo, chịu lãi suất 3,5%/năm và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 30 - 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản phải trả đối với các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 30 - 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán (1/1/2020: Không).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	416.852.189.189	(404.758.895.675)	12.093.293.514
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	75.672.717.577	(75.672.717.577)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.357.769.624	69.381.981.628	(72.164.203.994)	5.575.547.258
Thuế thu nhập cá nhân	3.999.529.029	18.060.353.431	(13.807.438.900)	8.252.443.560
Tiền thuê đất	-	12.354.237.405	(12.354.237.405)	-
Thuế nhập khẩu	336.764.816	15.879.548.006	(15.860.876.646)	355.436.176
	12.694.063.469	608.201.027.236	(594.618.370.197)	26.276.720.508

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Lãi vay phải trả	1.086.613.577	4.535.399.515
Chiết khấu phải trả nhà phân phối và đơn vị bán hàng	80.470.538.547	88.926.629.766
Chi phí vận chuyển	5.900.967.861	5.584.689.239
Chi phí thuê đất	6.273.082.125	3.103.128.000
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	13.391.033.600	4.656.929.999
Chi phí phải trả khác	4.259.839.888	2.414.431.050
	111.382.075.598	109.221.207.569

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Nhận đặt cọc ngắn hạn	7.414.000.177	7.425.000.177
Kinh phí công đoàn	1.801.194.049	2.003.149.160
Các khoản phải trả khác	1.231.840.737	3.205.060.524
	10.447.034.963	12.633.209.861

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2020 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2020 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	1.242.848.449.948	2.667.276.115.007	(3.156.838.656.125)	753.285.908.830
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20(b))	119.762.684.109	18.736.603.583	(119.762.684.109)	18.736.603.583
	1.362.611.134.057	2.686.012.718.590	(3.276.601.340.234)	772.022.512.413

Vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất năm từ 3,1% đến 5,0% (2019: từ 3,5% đến 6,35%). Tại ngày báo cáo, các khoản vay ngắn hạn có giá trị ghi sổ 574.383 triệu VND được đảm bảo bằng các tài sản như được trình bày tại Thuyết minh 20(b). Các khoản vay ngắn hạn còn lại không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay dài hạn	54.193.804.734	250.553.513.142
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 20(a))	(18.736.603.583)	(119.762.684.109)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	35.457.201.151	130.790.829.033

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất năm từ 5,43% đến 9,14% (2019: từ 6,9% đến 9,1%) và có thời gian đáo hạn từ năm 2022 đến năm 2024.

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn còn số dư được đảm bảo bằng các tài sản như sau:

- các khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 732.065 triệu VND (1/1/2020: 868.483 triệu VND) (Thuyết minh 5);
- tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 1.200.027 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 1.287.011 triệu VND) (Thuyết minh 11);
- nhà xưởng, các máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty TNHH MTV Nhựa Thiều niên Tiên Phong Miền Trung – công ty con của Công ty; và
- khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 46.784 triệu VND (Thuyết minh 14(a)).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.165.196.620	19.864.190.551
Trích lập trong năm	28.297.758.437	-
Tạm ứng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 (*)	20.000.000.000	-
Sử dụng trong năm	(51.768.245.994)	(15.698.993.931)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	694.709.063	4.165.196.620

(*) Ngày 16 tháng 11 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã xin ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị qua hình thức phiếu xin ý kiến về việc tạm ứng quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền 20.000 triệu VND để phân bổ cho Công đoàn Công ty cho mục đích đầu tư phát triển, tổ chức, chăm lo đời sống cán bộ nhân viên. Phiếu xin ý kiến này đã được 3 trên 6 thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty đồng ý.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2019	892.403.020.000	824.402.903.721	364.686.458.470	2.081.492.382.191
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	404.253.691.959	404.253.691.959
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	138.139.347.250	(138.139.347.250)	-
Phát hành cổ phiếu	89.235.510.000	-	(89.235.510.000)	-
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(89.240.302.000)	(89.240.302.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(4.872.000.000)	(4.872.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2020	981.638.530.000	962.542.250.971	447.452.991.179	2.391.633.772.150
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	435.800.234.665	435.800.234.665
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	175.628.227.522	(175.628.227.522)	-
Phát hành cổ phiếu	196.323.300.000	(196.323.300.000)	-	-
Cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2019 (Thuyết minh 24)	-	-	(196.327.706.000)	(196.327.706.000)
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 (Thuyết minh 24)	-	-	(176.694.274.500)	(176.694.274.500)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2019 (Thuyết minh 21)	-	-	(28.297.758.437)	(28.297.758.437)
Tạm ứng vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 (Thuyết minh 21)	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2020	1.177.961.830.000	941.847.178.493	282.305.259.385	2.402.114.267.878

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	117.796.183	1.177.961.830.000	98.163.853	981.638.530.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	117.796.183	1.177.961.830.000	98.163.853	981.638.530.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	117.796.183	1.177.961.830.000	98.163.853	981.638.530.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2020		2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	98.163.853	981.638.530.000	89.240.302	892.403.020.000
Cổ phiếu thưởng phát hành trong năm (*)	19.632.330	196.323.300.000	8.923.551	89.235.510.000
Số dư cuối năm	117.796.183	1.177.961.830.000	98.163.853	981.638.530.000

(*) Ngày 6 tháng 7 năm 2020, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 19.632.330 cổ phiếu thưởng (tương đương 20% vốn điều lệ) từ quỹ đầu tư phát triển để để tăng vốn cổ phần theo Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐTN-2020 ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Đại hội đồng Cổ đông.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 18 tháng 5 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2019 bằng tiền trị giá 196.328 triệu VND (2.000 VND trên một cổ phiếu, tương đương 20% vốn điều lệ) (2019: 89.240 triệu VND, 1.000 VND trên một cổ phiếu tương đương 10% vốn điều lệ).

Ngày 16 tháng 10 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua nghị quyết về việc tạm ứng khoản cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2020 trị giá 176.694 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 15% vốn điều lệ).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê đất

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.638.903.125	10.638.903.125
Từ hai đến năm năm	42.555.612.500	42.555.612.500
Trên năm năm	241.584.587.563	252.223.490.688
	294.779.103.188	305.418.006.313
	294.779.103.188	305.418.006.313

(b) Ngoại tệ

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	105.146	2.417.827.441	358.268	8.146.656.052
		2.417.827.441		8.146.656.052

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	12.087.583.773	63.721.453.123
	12.087.583.773	63.721.453.123
	12.087.583.773	63.721.453.123

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

27. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020 VND	2019 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán sản phẩm	3.898.377.581.675	4.427.249.826.575
▪ Doanh thu khác	240.597.962.346	25.451.214.326
	<hr/> 4.138.975.544.021	<hr/> 4.452.701.040.901
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu, bồi khấu	(143.584.555.652)	(85.988.282.792)
▪ Hàng bán bị trả lại	(16.513.907.218)	(38.188.083.599)
	<hr/> (160.098.462.870)	<hr/> (124.176.366.391)
Doanh thu thuần	<hr/> 3.978.877.081.151	<hr/> 4.328.524.674.510

28. Giá vốn hàng bán

	2020 VND	2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Sản phẩm đã bán	2.629.730.188.608	3.254.403.517.488
▪ Giá vốn khác	201.422.671.274	30.147.350.675
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.331.030.595)	(8.188.137.228)
	<hr/> 2.829.821.829.287	<hr/> 3.276.362.730.935

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	13.358.552.994	14.586.620.218
Lãi chênh lệch tỷ giá	881.852.266	23.722.372
Cổ tức và lợi nhuận được chia	162.391.846.701	198.905.581.228
	<hr/> 176.632.251.961	<hr/> 213.515.923.818



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

30. Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	61.259.577.369	114.603.336.390
Chiết khấu thanh toán	37.017.649.714	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	272.265.935	227.914.304
Chi phí tài chính khác	6.684.713.085	-
	<hr/> 105.234.206.103	<hr/> 114.831.250.694

31. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2020 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nhân viên	32.988.703.207	37.647.121.120
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.524.888.059	11.734.260.289
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	40.490.714.798	39.337.940.270
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	273.260.101.300	345.935.728.050
Chi phí vận chuyển	76.982.349.388	86.622.631.760
Chi phí bán hàng khác	79.826.905.845	57.868.943.060
	<hr/> 516.073.662.597	<hr/> 579.146.624.549

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	51.270.707.850	53.844.879.007
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.289.137.584	19.846.568.982
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	78.883.301.402	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	52.296.925.997	45.097.230.393
	<hr/> 201.740.072.833	<hr/> 118.788.678.382

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	2.365.306.103.056	2.910.956.950.143
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	273.260.101.300	345.935.728.050
Chi phí nhân công và nhân viên	307.123.078.521	292.480.115.980
Chi phí khấu hao	138.266.387.688	138.137.191.509
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	78.883.301.402	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	230.813.275.215	244.765.927.112
Chi phí khác	93.342.669.625	16.999.244.134

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	69.381.981.628	52.233.256.723

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	505.182.216.293	456.486.948.682
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	101.036.443.259	91.297.389.736
Chi phí không được khấu trừ thuế	823.907.709	716.983.233
Thu nhập không bị tính thuế	(32.478.369.340)	(39.781.116.246)
	69.381.981.628	52.233.256.723

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung		
Bán hàng hóa	4.731.563.381	522.915.118.794
Mua hàng hóa	154.509.510.626	372.503.117.824
Mua tài sản cố định hữu hình	11.302.344.856	-
Phân phối lợi nhuận	157.273.335.901	188.634.703.628
Mua dịch vụ	1.273.584.615	-
Chi phí lãi trả chậm	6.684.713.085	3.748.511.152
Chi phí quản lý	349.421.432	-
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam		
Bán hàng hóa	266.557.067.351	227.703.275.474
Mua hàng hóa, dịch vụ	177.391.756.829	259.446.969.491
Hàng bán bị trả lại	2.662.184.272	3.133.301.020
Cổ tức được chia	-	7.650.000.000
Góp vốn	-	7.650.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong		
Mua hàng hóa, dịch vụ	19.110.958.344	18.581.808.032
Cổ tức được chia	499.775.000	499.775.000
Công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải		
Bán hàng hóa	-	1.124.997.996.789
Hàng bán trả lại	4.126.339.239	8.005.338.470
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong		
Bán hàng hóa	32.920.000	5.484.317.000
Mua hàng hóa	50.645.564.270	65.458.118.583
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam		
Bán hàng hóa	3.333.073.129	2.809.496.928
Mua hàng hóa	165.322.032.105	269.598.625.113
Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương, thưởng và thù lao	2.632.900.304	1.917.660.027
Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 18/5/2020)		
Tiền lương, thưởng và thù lao	5.018.688.033	4.812.138.380

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Đặng Quốc Dũng		
Tiền lương, thưởng và thù lao	2.600.016.572	1.965.433.454
Ông Noboru Kobayashi		
Thù lao	588.980.000	470.000.000
Ông Trần Ngọc Bảo		
Tiền lương, thưởng và thù lao	2.030.000.412	1.619.115.180
Ông Nguyễn Việt Phương		
Thù lao	66.590.000	-
Ông Đào Anh Thắng		
Thù lao	864.000.000	525.780.000
Ông Nguyễn Quốc Trường (đến ngày 18/5/2020)		
Thù lao	249.000.000	787.529.000
Ông Trần Bá Phúc (đến ngày 18/5/2020)		
Thù lao	254.500.000	1.217.457.496
Ông Nguyễn Anh Tuấn (đến ngày 18/5/2020)		
Thù lao	50.000.000	144.000.000

36. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng cho năm hiện tại, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số khoản mục trong báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

- khoản đầu tư vào Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam từ tài khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác sang tài khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; và
- khoản chiết khấu và bồi khấu trả cho khách hàng từ tài khoản chi phí bán hàng sang tài khoản các khoản giảm trừ doanh thu.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh lại như sau:

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) Bảng cân đối kế toán riêng

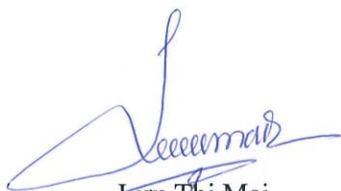
	1/1/2020		
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	245.960.188.600	(150.000.000.000)	95.960.188.600
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	150.000.000.000	150.000.000.000

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2019		
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	38.188.083.599	85.988.282.792	124.176.366.391
Doanh thu thuần về bán hàng	4.414.512.957.302	(85.988.282.792)	4.328.524.674.510
Lợi nhuận gộp	1.138.150.226.367	(85.988.282.792)	1.052.161.943.575
Chi phí bán hàng	665.134.907.341	(85.988.282.792)	579.146.624.549

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Lưu Thị Mai
 Phó Ban Tài chính – Kế toán

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
 Kế toán trưởng



Chu Văn Phương
 Tổng Giám đốc

